TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-PT
Ngày 22/01/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu và bà Trần Minh Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nông Thị Đào - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2025/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn";

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2025/QĐ-PT ngày 16/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐ-PT ngày 31/12/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng); CCCD số: 030198014536, cấp ngày 04/12/2022 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T: Bà Đỗ Thị T1 - Luật sư Công ty L; địa chỉ: Số B T, phường Y, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Kim Văn V, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm H, Thôn M, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xóm H, thôn M, xã N, thành phố Hải Phòng); CCCD số: 030086019305, cấp ngày 13/01/2025 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh V: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1987 và ông Lường Tiến H, sinh năm 1998 - Luật sư Công ty L1; địa chỉ: Số E đường P, phường P, thành phố Hà Nội (có mặt ông C, vắng mặt ông H).

Người kháng cáo: Bị đơn anh Kim Văn V (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Kim Văn V có thời gian tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/02/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong tính cách và quan điểm sống. Mặt khác, do khó khăn về kinh tế, anh V đi xuất khẩu ở Đài Loan, chị ở nhà đi học nghề (từ tháng 10/2023), nhưng không hiểu sao anh V thường gọi điện về mắng chửi chị. Đến tháng 7/2024 anh V về nước thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng có xảy ra cãi nhau nhiều, anh V còn đánh đập chị. Từ tháng 3/2025 chị đã đưa con về gia đình bố mẹ đẻ tại xã H sinh sống cho đến nay, anh chị sống ly thân từ đó. Nay chị xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Kim Trường A, sinh ngày 17/9/2022, hiện đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Kim Văn V trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị T trình bày, anh và chị T không có mâu thuẫn gì, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ hàng ngày, cụ thể như việc anh đi lao động tại Đài Loan gửi tiền về để vợ tiết kiệm nhưng chị T rút ra chi tiêu không có kế hoạch nên có lời qua tiếng lại với nhau nhưng không xảy ra xô xát hay mạt sát nhau. Sau đó chị T tự ý bỏ về gia đình bố mẹ đẻ từ tháng 3/2025 đến nay. Anh không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để hai bên đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung như chị T trình bày. Anh không nhất trí ly hôn nên anh không đề nghị gì về con chung, trường hợp vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của người làm chứng:

- Bà Lê Thị C1 (mẹ đẻ anh V) trình bày: Anh V và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bà một thời gian thì đi Đài Loan, đến năm 2022 chị T về nước sinh con, anh V vẫn lao động tại nước ngoài, đến năm 2024 thì anh V về nước. Quá trình chung sống anh chị chung sống hạnh phúc với nhau, tuy nhiên anh chị có chút hiểu lầm khi anh V nghi ngờ chị T nhắn tin cho người đàn ông khác, bà can ngăn thì chị T to tiếng, anh V có tát chị T một cái. Sau đó chị T đã tự ý bỏ về gia đình nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 3/2025. Bà xác định giữa hai

anh chị không có mâu thuẫn gì, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt hàng ngày, giữa mẹ chồng nàng dâu không có mâu thuẫn. Nay chị T xin ly hôn bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng chị T, anh V về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Trường hợp Tòa án cho anh chị ly hôn thì đề nghị giao con cho anh V nuôi, gia đình sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ anh V chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

- Bà Bùi Thị T2 (mẹ đẻ chị T) trình bày: Chị T, anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn giữa chị T và anh V là do hai bên nhiều bất đồng trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, bà mong muốn hai con chung sống để nuôi dạy con cái nhưng mâu thuẫn xảy ra đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Quá trình sống chung, chị T và anh V phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, sau đó chị T bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) sống. Do hai bên không đề nghị nên địa phương chưa hòa giải lần nào, chỉ là mâu thuẫn nội bộ gia đình. Nay chị T đề nghị ly hôn, quan điểm của địa phương hai bên sống ly thân, không còn tình cảm với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 10/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng đã căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 146, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

Xử: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Kim Văn V.

Về con chung: Giao con Kim Tường A1, sinh ngày 17/9/2022 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Anh V có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Kim Văn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, anh không đồng ý ly hôn chị T vì xác định mâu thuẫn vợ chồng là nhỏ, không đến mức trầm trọng như nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm, bản thân anh vẫn còn tình cảm và mong muốn đoàn tụ. Về con chung, anh có nguyện vọng nuôi con, việc Tòa án cấp sơ thẩm giao con cho chị T nuôi là không phù hợp, không đảm bảo được cuộc sống phát triển bình thường của con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V rút một phần kháng cáo về quan hệ hôn nhân, theo đó anh đồng ý ly hôn chị T; anh vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo về con chung,

đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh; chị T không đồng ý với kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh V trình bày: Tại phiên tòa anh V rút kháng cáo về quan hệ hôn nhân; về quan hệ con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho anh V nuôi dưỡng vì anh V làm tổ trưởng tại công ty của Hàn Quốc, mức lương từ 12-15 triệu đồng/tháng; mẹ đẻ anh V có nhà đất rộng rãi và đồng ý cho bố con anh ở cùng, bà sẽ giúp anh V chăm sóc con; anh V có đạo đức tốt, chưa có tiền án, tiền sự; chị T không có việc làm và chỗ ở ổn định, ngoài ra chị T còn cản trở việc thăm nom con của anh V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T trình bày: Chị T cũng có đủ điều kiện nuôi con như anh V (có việc làm, thu nhập ổn định, hiện đang sống cùng bố mẹ đẻ); cháu Trường A từ khi sinh ra đến nay đều sống cùng chị T và được chị T chăm sóc tốt, hiện nay cháu còn nhỏ, anh V không quan tâm đến con và thường xuyên có lời lẽ xúc phạm chị T trước mặt con làm con rất sợ. Chị T đảm bảo sau khi ly hôn, chị vẫn tạo điều kiện để anh V thăm nom con. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Không chấp nhận kháng cáo của anh Kim Văn V giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng; anh V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của anh Kim Văn V trong thời gian luật định và đã nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên kháng cáo hợp lệ;

[2] Tại phiên tòa, anh V rút một phần kháng cáo, theo đó anh V đồng ý ly hôn chị T nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về quan hệ hôn nhân của anh V.

[3] Về nội dung kháng cáo của anh V về quan hệ con chung, HĐXX thấy: Chị T và anh V có 01 con chung là Kim Trường A, sinh ngày 17/9/2022, hiện đang sống cùng chị T. Anh chị đều là lao động tự do, thu nhập ổn định, về điều kiện chỗ ăn, ở đảm bảo cho việc nuôi con, gia đình hai bên cam kết hỗ trợ cho việc nuôi con vì vậy chị T, anh V

đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Trường A dưới 36 tháng tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Trường A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đến thời điểm này, cháu Trường A mới được hơn 3 tuổi, vẫn còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ. Hơn nữa, từ khi sinh ra đến nay, cháu Trường A vẫn được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Mặt khác, chị T cũng cam kết tạo mọi điều kiện tối đa để anh V và gia đình anh V được thăm nom con chung, chị không thực hiện hành vi nào cản trở quyền thăm nom, chăm sóc con của anh V và gia đình anh V. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về tâm lý, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, cần tiếp tục giao cháu Trường A cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành, chị T tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

[4] Từ những phân tích trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh Kim Văn V, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ- ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng về quan hệ con chung.

[5] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh V không được chấp nhận nên anh V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh V về quan hệ hôn nhân.

2. Không chấp nhận kháng cáo của anh Kim Văn V; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2025/HNGĐ-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng về quan hệ con chung.

3. Về án phí: Anh Kim Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002516 ngày 22/9/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 22/01/2026.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- TAND khu vực 13 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Nhu